| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN GÒ CÔNG TÂY**<br>**TỈNH TIỀN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Bản án số: 67/2024/DS-ST<br>Ngày: 05 - 02 – 2024<br>V/v tranh chấp Hợp đồng góp hụi | |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY, TỈNH TIỀN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Lê Thị Tám.
*Các Hội thẩm nhân dân*:
1. Ông Huỳnh Hồng Lợi.
2. Bà Nguyễn Thị Cẩm Hồng.

***- Thư ký phiên tòa***: Ông Phan Thanh Sang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 05 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 542/2023/TLST-DS ngày 24 tháng 11 năm 2023 về việc "*Tranh chấp Hợp đồng góp hụi"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 256/2023/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2024/QĐST-DS ngày 17 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Lê Thị Kiều T, sinh năm 1982.
Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.
2. *Bị đơn*: Hồ Thị P, sinh năm 1965.
Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.
*(Chị T xin vắng mặt, bà P vắng mặt không lý do)*

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị Kiều T có đơn xin vắng mặt nhưng theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, chị T trình bày và yêu cầu*:

Chị có tham gia hụi do bà Hồ Thị P làm đầu thảo, cụ thể:

- Dây 01: Hụi mở ngày 10/11/2020 âm lịch, loại hụi 2.000.000 đồng, chị không nhớ bao nhiêu phần, chị tham gia 01 phần, đóng được 17 kỳ, có ngưng đóng tháng 6, 7 năm 2021 do dịch bệnh, chị đóng hụi đến tháng 5/2022 âm lịch thì bể hụi.

- Dây 02: Hụi mở ngày 10/4/2021 âm lịch, loại hụi 3.000.000 đồng, chị không nhớ bao nhiêu phần, chị tham gia 01 phần, đóng được 12 kỳ, có ngưng đóng tháng 6, 7 năm 2021 do dịch bệnh, chị đóng hụi đến tháng 5/2022 âm lịch thì bể hụi.

Ngày 02/11/2022, bà P có ký 02 giấy xác nhận còn thiếu chị số tiền hụi 70.000.000 đồng (dây hụi thứ nhất 34.000.000đ, dây hụi thứ hai 36.000.000đ). Sau đó, bà P trả nhiều lần, tổng đến ngày 02/4/2023 trả được 12.000.000đ, số tiền còn lại bà P không thực hiện. Nay chị T yêu cầu bà P trả cho chị số tiền hụi còn nợ là 58.000.000 đồng; yêu cầu thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn bà Hồ Thị P đã được Tòa án thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật, nhưng vắng mặt không có lý do, nên không thể hiện được ý kiến bà P đối với yêu cầu của chị T trong hồ sơ vụ án.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp Hợp đồng góp hụi được quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Lê Thị Kiều T xin vắng mặt, bị đơn bà Hồ Thị P vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nên Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T, bà P.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của chị T yêu cầu bà P trả số tiền nợ hụi là 58.000.000 đồng. Chứng cứ chị T cung cấp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của chị là 02 giấy xác nhận hụi ngày 02/11/2022, có chữ ký "P" và chữ viết họ tên "Hồ Thị P", nội dung bà P nợ chị T số tiền 70.000.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy, bà Hồ Thị P vắng mặt từ giai đoạn thụ lý cho đến xét xử nên không thể hiện ý kiến của bà trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa. Mặc khác, căn cứ khoản 2 Điều 91 Bộ Luật tố tụng dân sự thì đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ chứng minh sự phản đối đó. Tuy nhiên, trong suốt quá trình tố tụng, bà P không thể hiện ý chí phản đối chứng cứ và tài liệu mà chị T cung cấp thì phải chịu hậu quả bất lợi của việc không chứng minh theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ Luật tố tụng dân sự. Hơn nữa, chị T yêu cầu bà P trả số tiền 58.000.000 đồng là có lợi cho bị đơn. Do đó, chị T khởi kiện yêu cầu bà P trả số tiền 58.000.000 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về thời gian trả: Xét thấy, bị đơn đã vi phạm hợp đồng khi chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ, làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn. Vì vậy, căn cứ các quy định của Bộ luật dân sự về trách nhiệm dân sự do vi phạm nghĩa vụ buộc bà P trả số tiền 58.000.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật.

[5] Về án phí: Bà Hồ Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 235, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 471, 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử**:

**1**. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Kiều T.

Buộc bà Hồ Thị P có nghĩa vụ trả cho chị Lê Thị Kiều T số tiền 58.000.000 đồng. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ khi bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện theo nội dung quyết định này, thì hàng tháng còn phải trả lãi phát sinh tính trên số tiền và thời gian chậm thi hành án, với mức lãi suất tính theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

**2**. Về án phí:

- Bà Hồ Thị P nộp 2.900.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại chị Lê Thị Kiều T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.450.000 đồng theo biên lai thu số 0009062 ngày 24/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây.

Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Tây;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Tám**